

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - LHP 1269**
CBGD **Trương Xuân Hùng**

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày Sinh	Lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2123170549	Hồ Quốc	Anh	09/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	6.5	6.5	8	8.7	8	7.8	
2	2123170509	Lê Đức	Anh	05/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.8	6.8	6	9	8	7.7	
3	2123170565	Nguyễn Hoàng Hoài	Bảo	29/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	4.8	6.5	8	8.3	8	7.4	
4	2123170544	Phan Thanh	Chí	26/04/2002	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
5	2123170522	Hồ Ngọc	Chung	30/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.5	6.8	6	7.3	8	7.3	
6	2123170606	Nguyễn Việt	Chung	30/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
7	2123170515	Thái Trung	Đăng	13/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.1	6.5	6	9	10	8.2	
8	2123170548	Nguyễn Thành	Đạt	01/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	5.4	5.4	8	10	10	8.4	
9	2123170530	Đỗ Tấn	Định	22/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.3	7.0	7	6.7	6.5	6.7	
10	2123170526	Lý Ngọc	Đức	03/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	4.4	7.1	7	8.7	8	7.4	
11	2123170521	Hồ Bá	Dũng	10/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.5	7.1	7	7	8	7.4	
12	2123170524	Nguyễn Trung	Dũng	03/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.8	7.8	7	8	8	7.7	
13	2123170540	Phạm Đăng	Dương	17/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	6.1	7.5	6	10	8	7.9	
14	2123170557	Huỳnh Minh	Dương	27/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	5.1	6.8	6	9	8	7.4	
15	2123170569	Phạm Phúc	Duy	26/12/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	3.4	2.0	4	5	8	5.1	
16	2123170551	Võ Hoàng	Hà	22/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.5	7.5	8	9	8	8.1	
17	2123170553	Vòng Nhật	Hào	31/01/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	4.4	4.4	4	8.7	10	7.2	
18	2123170537	Nguyễn Phúc	Hảo	17/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	5.8	6.5	5	9.7	8	7.5	
19	2123170518	Trần Văn	Hậu	16/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.5	6.5	6	8.3	8	7.5	
20	2123170556	Vũ Quý	Hiếu	28/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	4.8	6.5	8	10	8	7.9	
21	2123170502	Đặng Tấn	Hiệu	04/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.1	5.4	6	9.7	8	7.7	
22	2123170539	Mai Thái	Hoà	05/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
23	2123170559	Cao Khả	Hoàn	25/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	4.4	8.5	5	8.3	8	7.2	
24	2123170552	Đinh Trung	Hoàng	02/12/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	5.4	8.5	8	7	8	7.4	
25	2123170519	Huỳnh Văn	Hoàng	25/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	3.4	8.5	7	6.3	8	6.8	
26	2123170564	Nguyễn Ngọc	Hùng	23/11/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	6.5	5.8	5	9	8	7.3	
27	2123170567	Đặng Lê Minh	Huy	09/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	6.5	6.5	5	9	8	7.4	
28	2123170542	Nguyễn Văn	Huy	06/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	5.8	7.8	5	7	8	6.9	
29	2123170512	Trần Gia	Huy	25/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.8	7.1	7	8	8	7.7	
30	2123170558	Nguyễn Chí	Kha	10/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	4.1	7.5	5	5	8	6.1	
31	2123170510	Trần Phúc	Kha	03/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.1	8.2	7	9	8	8.0	
32	2123170513	Thái Trung	Khoa	13/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.8	7.8	7	10	8	8.2	
33	2123170535	Phạm Lê Bảo	Long	07/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.1	6.8	6	10	8	7.8	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày Sinh	Lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
34	2123170527	Đặng Vũ	Luân	16/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.1	5.8	6	9.7	8	7.6	
35	2123170545	Nguyễn Đặng Ngọc	Mạnh	22/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	8.5	8.2	5	8.7	8	7.9	
36	2123170543	Kiều Thị	Na	22/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.1	6.1	8	10	10	8.8	
37	2123170538	Vũ Quang	Nam	24/12/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.8	6.5	8	8	8	7.8	
38	2123170529	Hoàng Đình	Nguyễn	24/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.8	8.8	7	9	10	8.7	
39	2123170541	Phạm Văn	Nhân	12/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	6.5	6.1	5	7.7	8	7.0	
40	2123170546	Lê Văn	Phi	22/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	5.1	6.1	8	9.7	8	7.8	
41	2123170500	Lâm Thành	Phúc	28/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.8	6.5	6	9	8	7.8	
42	2123170555	Nguyễn Hữu Minh	Phúc	29/10/2002	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.8	8.5	8	8.7	8	8.2	
43	2123170503	As Ari	Salamat	27/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.5	6.5	6	9.3	8	7.6	
44	2123170550	Đoàn Quang	Sinh	02/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	5.1	7.5	8	8.3	8	7.6	
45	2123170570	Võ Phú	Tài	21/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	4.8	6.5	8	9.3	8	7.7	
46	2123170532	Trần Chí	Tâm	07/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	5.4	2.0	4	9	8	6.5	
47	2123170561	Lưu Trọng	Tân	06/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	5.4	7.5	5	7.3	8	6.9	
48	2123170520	Nguyễn Quốc	Thái	21/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	5.8	7.5	4	9	8	7.3	
49	2123170568	Ngô Đức	Thắng	12/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.1	7.5	5	7.3	10	7.7	
50	2123170531	Nguyễn Ngọc	Thắng	18/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	4.8	5.4	4	8	8	6.6	
51	2123170514	Phan Hữu	Thị	27/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	4.8	7.8	4	9.3	8	7.3	
52	2123170536	Lương Văn	Thịnh	18/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.1	8.2	8	9	8	8.2	
53	2123170560	Nguyễn Nhật	Tiến	19/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
54	2123170507	Nguyễn Bảo	Tín	23/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	4.8	5.8	4	10	8	7.2	
55	2123170562	Phạm Chí	Tình	15/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	6.8	8.2	5	8	8	7.4	
56	2123170511	Ngô Phúc	Toàn	02/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.5	7.5	4	8.3	8	7.4	
57	2123170506	Ngô Vĩnh	Toàn	16/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	3.7	5.8	4	8.7	8	6.7	
58	2123170508	Trương Thiết	Trị	15/12/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	5.1	7.5	4	5	8	6.1	
59	2123170523	Hồ Công	Viên	08/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.8	7.1	6	10	8	8.0	
60	2123170533	Nguyễn Trung	Việt	11/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	5.8	5.4	4	7	8	6.5	
61	2123170554	Bùi Thanh	Vương	24/01/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	4.4	7.1	5	9	8	7.2	
62	2123170505	Võ Thiện	Vương	06/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	5.8	8.8	4	6	8	6.7	

P
O
P
P
O
O
O
P
O
O
O
O
P
P
P
P
P
P
O
P
O
P
P
P
O
P
P
P
O
P
O
O
O

[illegible]

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN
Học Kỳ 1 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - LHP 1269**
CBGD **Trương Xuân Hùng**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2123170549	Hồ Quốc	Anh	09/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.8	5.0	6.1
2	2123170509	Lê Đức	Anh	05/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.7	7.0	7.3
3	2123170565	Nguyễn Hoàng Hoài	Bảo	29/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.4	5.2	6.1
4	2123170544	Phan Thanh	Chí	26/04/2002	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	0.0	0.0	0.0
5	2123170522	Hồ Ngọc	Chung	30/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.3	6.2	6.6
6	2123170606	Nguyễn Việt	Chung	30/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	0.0	0.0	0.0
7	2123170515	Thái Trung	Đăng	13/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	8.2	7.0	7.5
8	2123170548	Nguyễn Thành	Đạt	01/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	8.4	6.4	7.2
9	2123170530	Đỗ Tấn	Định	22/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.7	7.2	7.0
10	2123170526	Lý Ngọc	Đức	03/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.4	5.2	6.1
11	2123170521	Hồ Bá	Dũng	10/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.4	6.6	6.9
12	2123170524	Nguyễn Trung	Dũng	03/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.7	7.0	7.3
13	2123170540	Phạm Đăng	Dương	17/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.9	4.6	5.9
14	2123170557	Huỳnh Minh	Dưỡng	27/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.4	6.0	6.6
15	2123170569	Phạm Phúc	Duy	26/12/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	5.1	7.2	6.3
16	2123170551	Võ Hoàng	Hà	22/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	8.1	4.8	6.1
17	2123170553	Vòng Nhật	Hào	31/01/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.2	5.6	6.2
18	2123170537	Nguyễn Phúc	Hào	17/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.5	6.8	7.1
19	2123170518	Trần Văn	Hậu	16/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.5	7.6	7.6
20	2123170556	Vũ Quý	Hiếu	28/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.9	7.0	7.4
21	2123170502	Đặng Tấn	Hiệu	04/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.7	6.4	6.9
22	2123170539	Mai Thái	Hoà	05/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	0.0	0.0	0.0
23	2123170559	Cao Khả	Hoàn	25/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.2	7.0	7.1
24	2123170552	Đinh Trung	Hoàng	02/12/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.4	6.8	7.0
25	2123170519	Huỳnh Văn	Hoàng	25/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.8	7.8	7.4
26	2123170564	Nguyễn Ngọc	Hùng	23/11/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.3	6.6	6.9
27	2123170567	Đặng Lê Minh	Huy	09/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.4	6.8	7.0
28	2123170542	Nguyễn Văn	Huy	06/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	6.9	7.2	7.1
29	2123170512	Trần Gia	Huy	25/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.7	7.2	7.4
30	2123170558	Nguyễn Chí	Kha	10/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	6.1	7.2	6.8
31	2123170510	Trần Phúc	Kha	03/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	8.0	7.2	7.5
32	2123170513	Thái Trung	Khoa	13/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	8.2	7.0	7.5
33	2123170535	Phạm Lê Bảo	Long	07/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.8	6.8	7.2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
34	2123170527	Đặng Vũ	Luân	16/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.6	6.8	7.1
35	2123170545	Nguyễn Đăng Ngọc	Mạnh	22/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.9	7.2	7.5
36	2123170543	Kiều Thị	Na	22/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	8.8	7.2	7.8
37	2123170538	Vũ Quang	Nam	24/12/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.8	6.8	7.2
38	2123170529	Hoàng Đình	Nguyễn	24/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	8.7	6.2	7.2
39	2123170541	Phạm Văn	Nhân	12/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.0	6.4	6.6
40	2123170546	Lê Văn	Phi	22/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.8	5.2	6.2
41	2123170500	Lâm Thành	Phúc	28/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.8	6.4	6.9
42	2123170555	Nguyễn Hữu Minh	Phúc	29/10/2002	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	8.2	7.2	7.6
43	2123170503	As Ari	Salamat	27/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.6	6.8	7.1
44	2123170550	Đoàn Quang	Sinh	02/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.6	4.8	5.9
45	2123170570	Võ Phú	Tài	21/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.7	6.2	6.8
46	2123170532	Trần Chí	Tâm	07/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.5	7.8	7.3
47	2123170561	Lưu Trọng	Tân	06/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	6.9	6.4	6.6
48	2123170520	Nguyễn Quốc	Thái	21/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.3	5.8	6.4
49	2123170568	Ngô Đức	Thắng	12/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.7	7.4	7.5
50	2123170531	Nguyễn Ngọc	Thắng	18/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.6	7.0	6.8
51	2123170514	Phan Hữu	Thị	27/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.3	5.6	6.3
52	2123170536	Lương Văn	Thịnh	18/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	8.2	7.0	7.5
53	2123170560	Nguyễn Nhật	Tiên	19/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	0.0	0.0	0.0
54	2123170507	Nguyễn Bảo	Tín	23/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.2	6.2	6.6
55	2123170562	Phạm Chí	Tĩnh	15/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.4	5.8	6.4
56	2123170511	Ngô Phúc	Toàn	02/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	7.4	6.8	7.0
57	2123170506	Ngô Vĩnh	Toàn	16/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.7	5.0	5.7
58	2123170508	Trương Thiết	Trị	15/12/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.1	5.6	5.8
59	2123170523	Hồ Công	Viên	08/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	8.0	6.2	6.9
60	2123170533	Nguyễn Trung	Việt	11/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.5	4.6	5.3
61	2123170554	Bùi Thanh	Vương	24/01/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô P	7.2	6.2	6.6
62	2123170505	Võ Thiện	Vương	06/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô O	6.7	6.4	6.5

Tp. HCM, ngày 02 tháng 10 năm 2023

GIẢNG VIÊN

Trương Xuân Hùng